

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HS-ST

Ngày 27-02-2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Liêm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Đức Thọ

2. Bà Nguyễn Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Võ Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 27/02/2020 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2020/TLST-HS ngày 22/01/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HS ngày 17/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện L đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Quốc T, sinh năm 1977, Tại Bình Phước. Tên gọi U; Nơi cư trú: Khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp; thợ hồ; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H (Chết) và bà Nguyễn Thị N (Chết); bị cáo sống chung như vợ chồng với Lê Thị Kim D, sinh năm 1979; có 01 người con sinh năm 2003; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 31/10/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Triệu Trung T1, sinh năm 1986, tại Đồng Nai. Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: Khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Triệu Bá S; sinh năm: 1954 và bà Bùi Thị L sinh năm: 1954; bị cáo chưa có vợ; Tiền án; Ngày 10/02/2015 TAND thị xã B xử phạt 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tiền sự: không; Nhân thân: 25/12/2007 TAND huyện Đ, tỉnh Đồng Nai xử phạt 6 tháng 19 ngày tù; Bị bắt tạm giam từ ngày 31/10/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Nguyễn Thái C, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1) Bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1963 (vắng mặt)

2) Ông Bùi Hoàng L, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 30/10/2019 Triệu Trung Tt điều khiển xe mô tô biển số 66L4-7752 chở Nguyễn Quốc T1 đi từ thị xã B đến huyện L tìm tài sản trộm cắp. Khi đi đến ấp B, xã T, huyện L thì T và T1 thấy có 01 xe ba bánh đậu gần đường quốc lộ 13, trên xe có chở 5 con heo con để trong lồng sắt của anh Nguyễn Thái C. T cho xe quay lại và T1 vào lấy lồng heo bên trong có 5 con heo con sau đó lên xe T tiếp tục điều khiển xe chạy về đến xã T, huyện L, tỉnh Bình Phước bán cho vợ chồng anh Bùi Hoàng L và chị Nguyễn Thị Ngọc H1 được 1.300.000đồng.

Sau khi anh C phát hiện bị mất heo đã trình báo với Công an qua truy xét cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã xác định được bị cáo T và T1 đã trộm tài sản của anh C nên đưa các bị cáo về điều tra.

Tại cơ quan điều tra Công an huyện L, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Bản cáo trạng số 18/CT-VKSLN ngày 20/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo Nguyễn Quốc T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, bị cáo Triệu Trung T1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc T và Triệu Trung T1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Đối với việc truy tố bị cáo Triệu Trung T kiểm sát viên rút 1 phần quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết bị cáo tái phạm nguy hiểm bởi lẽ năm 2007 bị cáo bị TAND huyện Đ xét xử và kết án tội trộm cắp tài sản theo quy định của bộ luật hình sự năm 1999 giá trị tài sản để định tội là 500.000đ. Nhưng do Bộ luật hình sự năm 2015 đã có sự thay đổi về định lượng do vậy tuy bị cáo đã bị xét xử năm 2007 và chưa đóng án phí nhưng trường hợp này đối chiếu với các văn bản quy định của pháp luật xem như đã xóa bỏ một tội phạm, bị cáo T chỉ phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Triệu Trung T từ 15 đến 18 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm i, h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T1 từ 12 đến 15 tháng tù.

Các bị cáo không tranh luận, không kêu oan.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lộc Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại về thời gian và địa điểm xảy ra vụ án và toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có đầy đủ cơ sở khách quan xác định vào ngày 30/10/2019 các bị cáo đã trộm 05 con heo con của anh Nguyễn Thái C đem bán.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 01/11/2019/KLHĐĐGTS ngày 01/11/2019 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L 05 con heo con có giá trị 3.690.000đ.

Trên cơ sở đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo Nguyễn Quốc T và Triệu Trung T về tội “*Trộm cắp tài sản*” là có căn cứ.

Đối với anh L và chị H1 khi mua 05 con heo không biết nguồn gốc do các bị cáo trộm cắp mà có nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L không có căn cứ xử lý hình sự.

[3] Các bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Do đó, cần có một hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, do không có nghề nghiệp lại nghiện ma túy nên các bị cáo rủ nhau đi tìm tài sản để trộm bán lấy tiền mua ma túy sử dụng nên vai trò các bị cáo là tương đương nhau.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn nên được Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo T còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo còn tác động đến gia đình đã khắc phục bồi thường số tiền 1.300.000đ cho chị H1 và anh L nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo T1 có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo là cần thiết được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về vật chứng vụ án:

Tài sản bị mất đã thu hồi và trả lại cho bị hại nên không đặt ra.

Đối với chiếc xe mô tô lắp ráp màu đen biển số 66L4-7752 số khung trước giám định VKVDCH033UM 008086; Số máy: không rõ, sau khi giám định không tìm được số khung, số máy. Bị cáo khai mua ở tiệm phế liệu về sửa lại làm phương tiện. Như vậy có căn cứ xác định xe này không hợp pháp, cần tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Số tiền 1.300.000đ gia đình bị cáo T đã bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] **Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc T, Triệu Trung T1 phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

[2] **Về điều luật áp dụng và hình phạt:**

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 01 (Một) năm tù. Thời gian tính từ từ ngày 31/10/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt Triệu Trung T1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian tính từ từ ngày 31/10/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Quốc T và Triệu Trung T1 trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

[3] Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước 01 xe mô tô màu xanh đen, biển số 66L4-7752.

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số: 0006699 ngày 27/02/2020.

[4] Về án phí:

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Nguyễn Quốc T và Triệu Trung T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện L
- Bị cáo, đương sự
- Chi cục THADS huyện L
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước
- CA huyện L
- CA tỉnh Bình Phước
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thành Liêm